



Cumulative Statistics

팀별 누적 통계

As of 25 SEP 2014

HKG - Hong Kong, China

BATTING AND FIELDING

No	Player	BA	GP	AB	R	H	2B	3B	HR	RBI	SLG%	OB%	SO	BB	IBB	SH	SF	HP	SB	CS	Pos	GP	IP	PO	A	E	FLD%	DP	
4	CHAN TW	.000	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	PH	1	-	-	-	-	-	-
6	CHIU YNE	.222	3	9	1	2	-	1	-	1	.444	.300	5	1	-	1	-	-	-	-	-	CF	3	21.0	7	1	-	1.000	-
53	FONG KMC	.333	3	6	-	2	-	-	-	1	.333	.333	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1B PH	3 1	14.0	16	-	1	.941	1
84	KWONG CK	.000	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	P	2	0.2	-	-	-	-	-
15	LAI MYL	.000	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	P	3	2.1	-	-	-	-	-
21	LEUNG CH	.000	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	P	2	1.1	-	-	-	-	-
56	LEUNG HN	.000	3	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	1	-	-	-	-	-	PH LF PR RF	2 2 1 1	-	-	-	-	-	-
10	LEUNG HY	.286	3	7	-	2	-	-	-	-	.286	.375	2	1	-	1	-	-	-	-	-	3B	3	20.0	2	7	1	.900	-
38	LEUNG KHS	.000	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	P	3	4.2	-	-	1	-	-
16	LEUNG YC	.000	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	P	3	3.1	-	1	-	1.000	-
48	LI WS	.000	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	P	3	5.1	-	2	1	.667	-
7	LO HLA	.429	3	7	1	3	-	-	-	-	.429	.556	2	2	-	-	-	-	-	1	-	DH	3	-	-	-	-	-	-
44	MOK WT	.000	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	PH	1	-	-	-	-	-	-
42	NG YM	.000	3	3	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	1B PH	2 1	7.0	6	-	1	.857	-
66	NG YP	.000	3	5	-	-	-	-	-	-	.286	.375	1	2	-	-	-	-	-	-	-	LF	3	19.0	7	1	-	1.000	-
13	NIP TC	.000	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	PH	1	-	-	-	-	-	-
33	TAM HYB	.000	3	1	-	-	-	-	-	-	.500	.375	1	1	-	-	-	-	-	-	-	PH C	2 1	-	-	-	-	-	-
3	TING CP	.000	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	P	2	2.0	-	-	-	-	-
57	TSANG KC	.300	3	10	2	3	-	-	2	2	.300	.300	2	-	-	-	-	-	-	1	-	SS	3	21.0	6	7	-	1.000	1
18	WONG HF	.000	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	P	2	1.1	-	-	-	-	-
47	WU CY	.000	3	8	2	-	-	-	-	-	.111	.375	1	1	-	-	-	-	-	-	-	C	3	19.0	5	-	-	1.000	-
52	WU TT	.000	3	4	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	PH 2B	2 1	-	-	-	-	-	-
23	YIP HL	.286	2	7	1	2	-	-	-	-	.286	.375	1	1	-	-	-	-	-	2	-	2B	2	14.0	5	5	-	1.000	1
20	YUNG TW	.250	3	8	-	2	-	-	3	3	.250	.250	1	-	-	-	-	-	-	-	-	RF	3	19.0	5	-	-	1.000	-
	Totals:	.203	3	79	7	16	0	1	0	7	.228	.284	26	9	0	3	0	0	4	0		3	21.0	63	28	6	.938	1	

GDP: LEUNG HY (1); YUNG TW (1)



Cumulative Statistics

팀별 누적 통계

As of 25 SEP 2014

NOTE

Team GP, DP and IP are not the sum of player participation

LEGEND

1B	First base	2B	Doubles/second base	3B	Triple/third base	A	Assists
AB	At bats	BA	Batting average	BB	Bases on balls	C	Catcher
CF	Center field	CS	Caught stealing	DH	Designated hitter	DP	Double plays
E	Errors	FLD%	Fielding average	GDP	Grounded into double play	GP	Games played
H	Hits	HP	Hit by pitch	HR	Home runs	IBB	Intentional bases on balls
IP	Innings played	LF	Left field	No	Uniform number	OB%	On base percentage
P	Pitcher	PH	Pinch hitter	PO	Put outs	Pos	Fielding position
PR	Pinch runner	R	Runs	RBI	Runs batted in	RF	Right Field
SB	Stolen bases	SF	Sacrifice flies	SH	Sacrifice hits	SLG%	Slugging percentage
SO	Strike outs	SS	Shortstop				



Cumulative Statistics

팀별 누적 통계

As of 25 SEP 2014

HKG - Hong Kong, China

PITCHING

No	Player	L/R	W	L	S	ERA	GP	GS	CG	Sho	IP	H	R	ER	HR	BB	IBB	SO	HP	SH	SF	WP	BK
84	KWONG CK	R	-	-	-	18.00	2	-	-	-	0.2	-	1	2	-	2	-	-	2	-	-	-	-
15	LAI MYL	L	-	-	-	13.50	3	-	-	-	2.1	4	3	3	-	4	-	-	-	-	2	1	-
21	LEUNG CH	R	-	-	-	36.00	2	-	-	-	1.1	1	4	4	-	3	-	1	-	-	1	2	-
38	LEUNG KHS	R	-	1	-	5.40	3	1	-	1	4.2	5	8	3	1	8	-	-	-	1	2	1	-
16	LEUNG YC	R	-	1	-	27.00	3	-	-	-	3.1	8	9	9	-	6	-	1	1	-	3	-	-
48	LI WS	R	-	1	-	18.00	3	2	-	1	5.1	12	11	10	-	5	-	1	1	1	-	-	-
3	TING CP	R	-	-	-	4.50	2	-	-	-	2.0	2	1	1	-	2	-	1	-	-	-	1	-
18	WONG HF	R	-	-	-	0.00	2	-	-	-	1.1	-	-	-	-	2	-	-	-	-	-	-	-
Totals:			0	3	0	13.71	3	3	0	2	21.0	32	37	32	1	32	0	4	4	2	8	5	0

CATCHING

No	Player	GP	IP	PB	SB	CS
33	TAM HYB	1	2.0	-	-	-
47	WU CY	3	19.0	-	3	-
Totals:		3	21.0	0	3	0

NOTE

Team ER may not be the sum of player participation

LEGEND

BB Bases on balls	BK Balks	CG Complete games	CS Caught stealing
ER Earned runs allowed	ERA Earned run average	GP Games pitched/played	GS Games started
H Hits allowed	HP Hit by pitch	HR Home runs allowed	IBB Intentional bases on balls
IP Innings pitched/played	L Losses	L/R Left or right handed	No Uniform number
PB Passed balls	R Runs allowed	S Saves	SB Stolen bases allowed
SF Sacrifice flies allowed	SH Sacrifice hits allowed	Sho Shutouts	SO Strike outs
W Wins	WP Wild pitched		

Timing and Results provided by Tissot